

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC
ĐÌNH TIÊN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157 /QĐ-ĐTH

Quận 1, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai Quyết toán thu chi ngân sách năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc thành lập trường tiểu học Đình Tiên Hoàng và Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc chuyển Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 về trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kết quả thẩm tra quyết toán ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Phòng Tài chính Kế hoạch Quận 1 về thẩm tra quyết toán năm 2023 Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán Ngân sách thu chi ngân sách năm 2023 của Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng (theo biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của trường tiểu học Đình Tiên Hoàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH;
- Website;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hương

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH TIỀN HOÀNG

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1.57/QĐ- ĐTH ngày 18/.../2024 của Trường tiểu học Đình Tiên Hoàng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	12.725	12.725	0	
I	Số thu phí, lệ phí, nguồn khác				
1	Lệ phí	0	0	0	
2	Phí	0	0	0	
3	Thu khác	12.718	12.718		
3.1	Tiền tổ chức hai buổi/ngày	567	567	0	
3.2	Tiền TC PV, QL & vệ sinh bán trú	3.431	3.431	0	
3.3	Tiền TC dạy tăng cường môn Tiếng Anh	578	578	0	
3.4	Tiếng Anh tự chọn	54	54	0	
3.5	Tiền TC dạy các lớp Tin học tự chọn	395	395	0	
3.6	Vệ sinh bán trú	289	289	0	
3.7	Tiền Mua sắm thiết bị, vật dụng PV HSBT	236	236	0	
3.8	Khai thác CSVC	134	134	0	
3.9	Tiền TC các lớp học theo Đề án (Tiếng Anh Tích hợp)	1.521	1.521	0	
3.10	Tiền TC các lớp thể dục tự chọn	683	683	0	
3.11	Tiền Tổ chức dạy Kỹ năng sống	705	705	0	
3.12	Tiền Tổ chức giáo dục Stem	334	334	0	
3.13	Tiền TC Sinh hoạt hè	363	363	0	
3.14	Tiền TC học TA với người NN	1.190	1.190	0	
3.15	TC dạy các lớp NK, CLB	869	869	0	
3.16	Số Liên lạc điện tử	111	111	0	
3.17	Tiền TC dạy tăng cường môn Tin học	66	66	0	
3.18	Tiền TC các lớp học theo Đề án (Tin học định hướng chuẩn QT)	130	130	0	
3.19	Tiền TC học TA sử dụng PM hỗ trợ	86	86	0	
3.20	Tiền TC CT học TA thông qua môn Toán và Khoa học	976	976	0	
4	Thu từ hoạt động tài chính (Lãi tiền gửi NH)	7	7		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	11.889	11.889	0	
I	Chi sự nghiệp giáo dục	11.889	11.889	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.278	5.278	0	
*	Chi thanh toán cho cá nhân	1.896	1.896	0	
	- Tiền công trả cho LĐ thường xuyên theo hợp đồng	33	33	0	
	- Phụ cấp lương	450	450	0	
	- Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	2.899	2.899	0	
	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.585	1.585	0	
*	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	238	238	0	
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	11	11	0	
	- Vật tư văn phòng	27	27	0	
	- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	0	0	
	- Công tác phí	574	574	0	
	- Chi phí thuê mượn	362	362	0	
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	10	10	0	
	- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	4.078	4.078	0	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	0	0	0	
*	Chi hỗ trợ người học	0	0	0	
	- Học bổng học sinh, sinh viên	5.026	5.026	0	
*	Chi khác	13	13	0	
	- Khấu hao tài sản cố định				

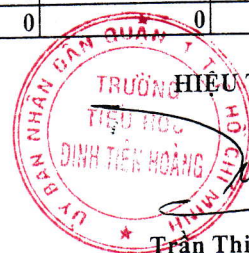
Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	- Nộp thuế GTGT & TNDN	266	266	0	
	Trích Cài cách tiền lương	699	699	0	
	Trích lập các quỹ	4.048	4.048	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
1	Lệ phí	0	0	0	
2	Phí	0	0	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	13.946	13.946	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.946	13.946	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.946	13.946	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.439	13.439	0	
a.	Kinh phí thường xuyên	8.879	8.879	0	
*	Chi thanh toán cho cá nhân	6.803	6.803	0	
	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	3.516	3.516	0	
	Lương hợp đồng dài hạn	0	0	0	
	Tiền công trả cho LĐ thường xuyên theo hợp đồng	0	0	0	
	Phụ cấp chức vụ	71	71	0	
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	0	0	0	
	Phụ cấp độc hại	4	4	0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.261	1.261	0	
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	4	4	0	
	PC thâm niên VK; PC thâm niên NG	822	822	0	
	Bảo hiểm xã hội	770	770	0	
	Bảo hiểm y tế	132	132	0	
	Kinh phí công đoàn	88	88	0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	43	43	0	
	- Chi trợ cấp Tết	92	92	0	
*	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	0	0	0	
*	Chi hỗ trợ người học	0	0	0	
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	0	0	0	
*	Chi khác	2.076	2.076	0	
	- Chi lập các Quỹ	2.076	2.076		
b.	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.560	4.560	0	
*	Chi thanh toán cho cá nhân	4.560	4.560	0	
	- Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	367	367	0	
	- Phụ cấp chức vụ	7	7	0	
	Phụ cấp độc hại	0	0	0	
	- Phụ cấp ưu đãi nghề	131	131	0	
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	0	0	0	
	- PC thâm niên VK; PC thâm niên NG	86	86	0	
	Bảo hiểm xã hội	80	80	0	
	Bảo hiểm y tế	13	13	0	
	Kinh phí công đoàn	10	10	0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	4	4	0	
	- Trợ cấp, phụ cấp khác (chi Th nhập tăng thêm theo NQ 03)	3.862	3.862	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	507	507	0	
*	Chi thanh toán cho cá nhân	500	500	0	
	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	185	185	0	
	Lương hợp đồng dài hạn	0	0	0	
	Tiền công trả cho LĐ thường xuyên theo hợp đồng	0	0	0	
	Phụ cấp chức vụ	0	0	0	
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	149	149	0	
	Phụ cấp độc hại	0	0	0	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	65	65	0	
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	0	0	0	
	PC thâm niên VK; PC thâm niên NG	0	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Bảo hiểm xã hội	32	32	0	
	Bảo hiểm y tế	6	6	0	
	Kinh phí công đoàn	3	3	0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	2	2	0	
	- Chi PC ưu đãi cho GV dạy HS khuyết tật hòa nhập	58	58	0	
	* Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	0	0	0	
	* Chi hỗ trợ người học	7	7	0	
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	7	7	0	
	* Chi khác	0	0	0	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	

Người lập bảng



Tô Quốc Liệt



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hương